

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Linh;

2. Ông Thái Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 10, ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Mai Tr, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 10, ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị Tr có mặt tại Tòa, Anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Lê Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và Chị Phạm Thị Mai Tr chung sống với nhau từ năm 2013, được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới đến năm 2014 mới đăng

ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Kết hôn xong, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, cùng nhau làm ăn xây dựng gia đình. Năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ sống không có tình nghĩa, không lo cho gia đình, không lo cho con. Từ lúc sinh con đến con lớn là do Anh T chăm sóc. Sống không chừng mực, gây nợ nần nhiều, anh đã bán hết tài sản để trả nợ nhưng vẫn không biết tu chí làm ăn, không cùng chung quan điểm sống. Thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống và hàng gặng được. Chúng tôi đã ly thân hơn 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên Anh T yêu cầu ly hôn với Chị Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Gia S, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2014. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại tòa án, bị đơn Chị Phạm Thị Mai Tr trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của Anh T về thời gian đăng ký kết hôn, chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2020 nảy sinh mâu thuẫn do Anh T cảm thấy chị không làm tốt vai trò của mình và xảy ra một số sự cố về kinh tế. Nay Anh T yêu cầu ly hôn với chị nhưng chị không đồng ý vì cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Gia S, sinh ngày 10-12-2014. Nếu tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Chị Tr thay đổi yêu cầu về con chung, chị xin nuôi con chung, yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh Lê Ngọc T đối với Chị Phạm Thị Mai Tr.

Về quan hệ con chung: Anh, chị chung sống có 01 con chung tên Lê Ngọc Gia S, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2014. Anh T, Chị Tr cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con, Chị Tr yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng vì khó khăn trong kinh tế là chưa phù hợp. Hiện cháu Gia S đang sống với bà nội và Anh T, để không thay đổi làm ảnh hưởng cháu nên giao con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, Anh T, Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh T theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và Chị Tr kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống Anh T cho rằng vợ chồng không còn cùng chung quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn, hay cãi vã nhau. Chị Tr không có trách nhiệm gì với gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên Anh T yêu cầu ly hôn với Chị Tr.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống chung của Anh T và Chị Tr không còn sự hòa hợp, Anh T vẫn cương quyết giữ yêu cầu ly hôn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, Chị Tr cũng trình bày đã nhiều lần có ý định nộp đơn xin ly hôn với Anh T ở tòa án, thể hiện sự mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu và kéo dài. Theo biên bản xác minh của Tòa án thì vợ chồng Anh T, Chị Tr có sự mâu thuẫn từ lâu. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Anh T là có căn cứ chấp nhận.

Theo Chị Tr trình bày: Vợ chồng chị cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, không trầm trọng để ly hôn, chị muốn nếu kéo cuộc hôn nhân và xin đoàn tụ không

đồng ý ly hôn nhưng Chị Tr cũng không thuyết phục được Anh T để vợ chồng đoàn tụ, thực sự tình cảm của Chị Tr cũng không còn yêu thương đối với Anh T, mối quan hệ hôn nhân của chị, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh T vẫn kiên quyết ly hôn và sống ly thân với Chị Tr từ tháng 7/2020 cho đến nay, không cải thiện được chứng minh tình cảm của Anh T không còn với Chị Tr nên yêu cầu xin đoàn tụ của chị Trang là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Ngọc Gia S, sinh ngày 10/12/2014. Anh T, Chị Tr cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh T không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con, Chị Tr yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét yêu cầu xin nuôi con của Anh T Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện con chung đang sống với Anh T và bà nội trong môi trường tốt, cháu phát triển bình thường, kinh tế của Anh T đủ nuôi dưỡng cháu trưởng thành có cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Gia S cho Anh T nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu xin nuôi con của Chị Tr thấy rằng tại phiên Tòa chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là do kinh tế của chị đang khó khăn không đủ nuôi con, nên giao cháu Gia S cho Chị Tr nuôi dưỡng thì phải thay đổi chỗ ở ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu. Tuy cháu Gia S có nguyện vọng sống với mẹ nhưng cũng cần đảm bảo môi trường tốt nhất cho bé nên yêu cầu xin nuôi con của Chị Tr là không có căn cứ chấp nhận

Cần giao cháu Gia S cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp. Ghi nhận Anh T không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Lê Ngọc T đối với Chị Phạm Thị Mai Tr. Anh Lê Ngọc T được ly hôn với Chị Phạm Thị Mai Tr.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngọc Gia S, sinh ngày 10-12-2014. Giao cháu Lê Ngọc Gia S cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận Anh T không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007466 ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cái Thị Minh Tâm